TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 387/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29-11-2023
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Việt Xô.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Xuân Minh.

Ông Duyên Văn Hiền.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Cẩm Hường là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 555/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2023 về "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 353/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1980 (có yêu cầu vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án bà Huỳnh Thị N trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn H tự nguyện thành hôn vào năm 2001, không đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là bất đồng quan điểm, lối sống, dẫn đến cãi nhau, do không tự giải quyết được nên bà yêu cầu ly hôn với ông H.

Bà và ông H có 01 con chung tên Nguyễn Thảo N1, sinh năm 2001, con đã thành niên, nên không đặt ra yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không đặt ra yêu cầu.

Do điều kiện công việc nên bà đề nghị vắng mặt khi giải quyết vụ án.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông và bà N thành hôn năm nào không nhớ, không có đăng ký kết hôn như bà N trình bày. Do có sự bất đồng quan điểm, lối

sống, dẫn đến cãi nhau nên bà N có yêu cầu ly hôn; ông đồng ý ly thân nhưng không đồng ý ly hôn.

Vợ chồng có 01 con chung như bà N trình bày, con đã thành niên nên không đặt ra yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không đặt ra yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ việc theo yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà Huỳnh Thị N có yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N.

[3] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông H được xác lập vào năm 2001, nhưng không đăng ký kết hôn là chưa đảm bảo về trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập, nay có yêu cầu ly hôn, Tòa án căn cứ vào những quy định về chấm dứt hôn nhân theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết. Do quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông H không đăng ký theo quy định của pháp luật, căn cứ Điều 53 và khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận bà N và ông H là vợ chồng.

[4] Về con chung: Bà N và ông H có 01 con chung đã thành niên và không đặt ra yêu cầu, nên không giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông H không yêu cầu, nên Toà án không giải quyết.

[6] Về án phí: Bà N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp được khấu trừ.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Huỳnh Thị N và ông Nguyễn Văn H là vợ chồng.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch bà N phải chịu 300.000 đồng, bà N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007225 ngày 09/8/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được khấu trừ.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần văn Thời;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Việt Xô